

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân Bình, ngày 24 tháng 11 năm 2023

Số: 1070/2023/QĐST-
HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH

*CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ*

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 819/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi ở hiện tại: A đường P, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Và chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ C, ấp B T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi ở hiện tại: A5 Cư xá T, đường P, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T chung sống với nhau từ năm 2017 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh B1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 06 tháng 12 năm 2017 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo anh Đ và chị T thì sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng khá hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022, kể từ thời điểm

đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay cả hai đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ và chị T1 trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T.

[2] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T có 02 con chung Nguyễn Anh T2, sinh ngày 20/5/2018 và Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 31/01/2020. Hai bên thỏa thuận giao cháu Anh T2 và cháu Khánh Q cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị T có nghĩa vụ đóng góp nuôi hai con với anh Đ là 3.000.000 đồng/tháng, cụ thể cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Anh T2 và cháu Khánh Q thành niên (đủ 18 tuổi); việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mùng 05 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/12/2023. Thời điểm hiện tại cháu Anh T2 và cháu Khánh Q chưa đủ 07 tuổi nên không đặt vấn đề xem xét nguyện vọng của các cháu. Nhận thấy hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu chị T có đủ căn cứ cho rằng anh Đ không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T xác định không có tài sản chung.

[5] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 06 tháng 12 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh B1 không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao hai con chung Nguyễn Anh T2, sinh ngày 20/5/2018 và Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 31/01/2020 cho anh Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ đóng góp nuôi hai con với

anh Đ là 3.000.000 đồng/tháng, cụ thể đóng góp nuôi mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Anh T2 và cháu Khánh Q thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mùng 05 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/12/2023.

Chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T xác nhận không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T xác nhận không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng anh Đ và chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2023/0023723 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Đ và chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
 - Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
 - UBND xã B, huyện X
- tỉnh B1;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính

